

CÁCH MẠNG RUỘNG ĐẤT Ở NAM BỘ THỜI CHỐNG MỸ (1954 - 1975)

Lê Xuân Thành*

Thành quả cách mạng ruộng đất ở Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là hết sức to lớn và có ý nghĩa chiến lược. Ở vùng nông thôn căn cứ kháng chiến, từ miền Tây Nam Bộ, đến Đồng Tháp Mười và miền Đông Nam Bộ, hàng trăm ngàn hecta (ha) ruộng đất đã được chính quyền kháng chiến trang cấp cho nông dân nghèo không đất hoặc thiếu đất sản xuất. Từ địa vị làm thuê, bị áp bức bóc lột thậm tệ, nay nhờ cách mạng đem lại ruộng đất, nông dân nghèo trở thành người làm chủ, thoát khỏi thân phận nô lệ. Họ hăng hái tăng gia sản xuất, đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến thắng lợi.

Kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp, thực hiện Hiệp định Genève 1954, trong những ngày thực hiện tập kết chuyên quân ra miền Bắc, chính quyền cách mạng ở Nam Bộ tiếp tục cấp thêm ruộng đất cho nông dân, hướng dẫn họ lý lẽ đấu tranh với chính quyền đối phương, giữ lấy ruộng đất và các thành quả khác do cách mạng đem lại.

Lịch sử Nam Bộ kháng chiến ghi nhận: “Nhờ thực

hiện chính sách ruộng đất của Đảng trong kháng chiến, đại bộ phận nông dân Nam Bộ đã thực sự làm chủ ruộng vườn, đời sống được cải thiện nên đã gắn bó mật thiết với cách mạng. Thành quả đó là “lá bùa hộ mạng”, là chỗ dựa vững chắc cho cán bộ, đảng viên hoạt động ở Nam Bộ trong những năm chống Mỹ” [1:89].

Thật vậy, trong kháng chiến chống Mỹ, nông dân Nam Bộ đấu tranh giữ đất một cách quyết liệt, rộng khắp, bền bỉ với nhiều hình thức phong phú.

Hai năm 1955 - 1956, Diệm thực hiện chương trình “cải cách điền địa”, ban hành liên tiếp các đạo dụ số 2 (06/01/1955), số 7 (05/02/1955) và số 57 (22/10/1956), tạo điều kiện cho địa chủ lấy lại ruộng đất do cách mạng cấp cho nông dân trong kháng chiến chống Pháp, buộc nông dân làm khế ước, trở lại làm tá điền cho các địa chủ.

Chính sách “cải cách điền địa” của Diệm đụng chạm đến quyền lợi sống còn của giai cấp nông dân, lập tức phong trào đấu tranh bảo vệ ruộng đất, chống đuổi nhà, dồn dân đã diễn ra hết sức quyết liệt ở khắp địa bàn nông thôn Nam Bộ. Nội dung đấu tranh lúc này

là chống lập khế ước, đòi giảm tô và giữ nguyên canh [1:102].

Nhiều xã ở vùng nông thôn căn cứ Đồng Tháp Mười, như Bình Thạnh, Phong Mỹ (Cao Lãnh), Thanh Mỹ (Mỹ An), Bình Thành, Tân Phú (Thanh Bình), Tân Thành, Tân Hộ Cơ (Hồng Ngự)..., “hàng trăm lượt người đấu tranh trấn áp ác ôn, đuổi đánh bọn đi đo đất, cày cáo, rượt chém địa chủ, đòi giữ được nguyên canh và mức tô cũ (theo qui định của cách mạng). Nhiều nơi chỉ bộ xã cho mời một số địa chủ để giáo dục, những địa chủ vắng mặt thì gửi thư cảnh cáo. Cách làm này đã có tác dụng tốt. Địa chủ cho người đi “xin tô”, ai cho bao nhiêu cũng được, không dám hống hách như trước. Mạnh nhất là ở Mỹ An, “thủ đô” của căn cứ kháng chiến cũ, đất rộng, thưa dân (khoảng 20 ngàn người), từ năm 1957 đến năm 1959 có 78 cuộc đấu tranh lớn nhỏ với 15 vạn lượt người tham gia” [2:51]. Hình thức đấu tranh phổ biến nhất là dùng vũ lực uy hiếp tề điệp hoặc bắt địa chủ giáo dục. Kết quả, vùng căn cứ du kích cũ, trước tá điền nộp tô cho địa chủ từ 6 đến 9 gạ lúa mỗi công, qua đấu tranh giảm xuống 1 gạ hoặc 1,5 gạ mỗi công. Ở tỉnh Sa Đéc cũ,

* Hội Khoa học lịch sử Đồng Tháp.

vùng có đông tin đồ Phật giáo Hòa Hảo, các đội công tác vũ trang tuyên truyền giải thích cho đồng bào thấy được Mỹ - Diệm là kẻ thù; hướng dẫn họ đấu tranh với địa chủ, đòi giữ được nguyên canh, giảm tô. Ngoài ra, ta còn đấu tranh hạ uy thế tề điệp, gửi thư cảnh cáo hoặc cho mời địa chủ ngoan cố đến để giáo dục, buộc phải cam kết không ức hiếp dân, không cướp đất, thu tô cao và xóa nợ cho một số hộ nghèo.

Ở các tỉnh Gia Định, Chợ Lớn, Tân An, Sóc Trăng... hàng ngàn cuộc đấu tranh của nông dân đòi giảm tô, giảm thuế, chống lập khê ước, đòi hủy bỏ chế độ đấu giá công điền; chống dồn dân, cướp đất, đuổi nhà. Kết quả, buộc địa chủ phải giảm tô từ 25 gia, xuống còn 18 gia/ha. Hình thức bao tá để bóc lột cũng bị xóa bỏ [1:102].

Ở tỉnh Bà Rịa, trong hai năm 1958 - 1959, nông dân các xã Hòa Long, Long Phước, Đất Đỏ nổi lên chống bọn địa chủ cướp 300 ha đất của hàng trăm hộ nông dân để lập đồn điền trồng cao su. Nông dân kiên trì đấu tranh trực diện với chính quyền, đồng thời tổ chức phá hoại, ngày chúng trồng cao su, đêm dân nhổ. Cuộc đấu tranh giằng co kéo dài đến đồng khởi năm 1960 thì nông dân phá sạch.

Ở xã Phong Phú, Cầu Kè, Tân An, Càng Long (Trà Vinh), là vùng có đông đồng bào Khmer, tên địa chủ Hoàng Văn Lâu, trong kháng chiến thì tỏ ra "giác ngộ", giao phần lớn ruộng đất cho cách mạng để chia cho nông dân, nay trở

mặt lấy lại đất, truy thu tô, bị nông dân căm thù giết chết. Sau vụ này, ở nhiều nơi, địa chủ không dám đến lấy đất, thu tô như trước.

Về thực trạng phong trào nông dân đấu tranh ruộng đất trong 2 năm 1957 - 1958, Xứ ủy Nam Bộ nhận định: "Tâm trạng chung của địa chủ là không muốn bán ruộng (trừ ở những nơi không giành được quyền sở hữu hoặc không thể truy tô, tăng tô) và tâm trạng chung của nông dân cũng không muốn mua ruộng. Thái độ phổ biến là muốn giăng co từng mùa để chờ thời cuộc (mà họ tin là cách mạng nhất định sẽ thành công). Chỉ có một số ít nhận mua ruộng trấu hữu theo dự 57, hoặc điều chỉnh riêng với địa chủ để mua" [2:52].

Phong trào đấu tranh chống chính quyền Diệm lập khu dinh điền, khu trừ mật cũng nổi lên nhiều nơi ở Nam Bộ. Hình thức chủ yếu là chống bắt dân đi xây dựng khu trừ mật, chống đuổi nhà, gom dân...; hoặc nơi dân bị gom thì bà con tìm mọi cách bung về chỗ cũ làm ăn. Nổi bật là sự kiện đấu tranh chống lập khu trừ mật Cái Sơn (Tam Bình, Vĩnh Long). Tháng 6/1960, lực lượng vũ trang tỉnh Vĩnh Long phục kích tiêu diệt tên Tỉnh trưởng Khuru Văn Ba khi hắn đi kinh lý khu trừ mật Cái Sơn. Sau đó, từ ngày 14/9/1960 nhân dân toàn tỉnh Vĩnh Long đồng loạt nổi dậy đánh phá hệ thống kềm kẹp của địch ở xã ấp, giành quyền làm chủ nhiều vùng nông thôn. Hầu hết khu dinh điền, khu trừ mật của địch đều bị phá lỏng, phá rã.

Ở Tây Nam Bộ, trong 6 tháng đầu năm 1959 đã nổ ra 3000 cuộc đấu tranh lớn nhỏ, giữ được hàng vạn hecta ruộng đất, có nơi nông dân làm chủ hoàn toàn ruộng đất, không phải đóng thuế, nộp tô [1:103].

Ở xã An Phú, Trảng Bàng (Tây Ninh), tên địa chủ Đâu câu kết với tên quận trưởng buộc nông dân phải trả lại ruộng đất. Đâu cho người nhà giăng dây cấm cọc lấy đất. Nông dân đoàn kết nhau lại, người cầm cuốc, kẻ cầm dao, gậy gộc xông ra đánh trả quyết liệt với bọn đi cướp đất. Tên quận trưởng Trảng Bàng cho lính đến đàn áp, bắt đi một số người. Căm thù càng bốc cao, nông dân đấu tranh quyết liệt hơn. Cuối cùng địch phải thả những người bị bắt. Tên địa chủ Đâu không cướp được đất của nông dân. Cuộc đấu tranh này có sức lan tỏa, cổ vũ phong trào đấu tranh giành giữ quyền lợi ruộng đất của nông dân Trảng Bàng và cả tỉnh Tây Ninh.

Ở tỉnh Kiến Phong, từ năm 1957 - 1959, chính quyền Diệm lập nhiều địa điểm dinh điền tại vùng trung tâm Đồng Tháp Mười, như dinh điền Cà Vàng, Đôn Phục ở Hồng Ngự, dinh điền Gãy Cờ Đen và dinh điền Phước Xuyên ở Mỹ An. Chúng cho nhiều máy cày vào đây cày sạ. Cùng với khai hoang, chúng còn thu gom nhiều ruộng đất của đồng bào địa phương để giao cho đồng bào di cư (đa số theo đạo Thiên Chúa do chính quyền Diệm lừa mị, ép buộc vào đây), gây nên mâu thuẫn, hiềm khích giữa đồng bào địa phương và đồng

bào di cư. Để chống phá địch lập khu dinh điền, du kích mật địa phương đặt chất nổ phá hủy 2 máy cày trên dinh điền Phước Xuyên. Địch tình nghi, bắt 2 binh sĩ bảo an canh giữ dinh điền. Ngày 24/9/1959, tại sân vận động Cao Lãnh, Tòa án Quân sự đặc biệt của Diệm mở phiên tòa xét xử vụ này. Vì sợ “có biến” trong lực lượng bảo an, địch điều Tiểu đoàn 3 của Sư đoàn 23 quân chủ lực đến để bảo vệ phiên tòa¹.

Trong những năm 1954 - 1959, mặc dù Mỹ - Diệm khủng bố, cướp đất, dồn dân vào các dinh điền, khu trù mật, đuổi nhà, hành quân cảnh sát, bắt bớ giam cầm, tố cộng..., nông dân vẫn tìm mọi cách bám trụ để sản xuất nuôi sống gia đình và nuôi giấu cán bộ hoạt động. Một số tổ, vạ vận đổi công vẫn tồn tại và hoạt động trở thành chỗ dựa cho cán bộ, du kích. Vùng nông thôn, với khẩu hiệu: “*mắt cán bộ là mắt Đảng, mắt đất như mắt trâu*”, nông dân sẵn sàng hy sinh cả sinh mạng, tài sản để bảo vệ cán bộ, bảo vệ Đảng [2:53]. Ở xung quanh các căn cứ Chiến khu D, Chiến khu Dương Minh Châu, căn cứ Đồng Tháp

1. Chi 2 ngày sau (26/9/1959) ở vùng giáp ranh hai quận Hồng Ngự và Thanh Bình (cách địa điểm dinh điền Phước Xuyên không xa), hơn một đại đội của Tiểu đoàn 502 của tỉnh Kiến Phong đã đánh bại cuộc hành quân cấp trung đoàn của quân đội Diệm, tiêu diệt một tiểu đoàn, bắt sống 105 tù binh, thu nhiều súng và đồ dùng quân sự. Chiến thắng này mở đầu cho cao trào nổi dậy Đồng khởi ở các xã ven Đồng Tháp Mười và ảnh hưởng mạnh mẽ trong toàn khu Trung Nam Bộ.

Trận này gây bất ngờ lớn. Tổng thống Diệm lệnh cho Bộ Tổng Tham mưu quân đội điều tra nguyên nhân thất bại, bãi chức nhiều sĩ quan chỉ huy hành quân.

Mười, căn cứ U Minh, các căn cứ của Tỉnh ủy, Huyện ủy... nông dân hết lòng bảo vệ, che chở, tiếp tế lương thực, thực phẩm cho cơ quan đầu não của cách mạng [1:106].

Cuối năm 1959 và năm 1960, toàn Nam Bộ tiến hành một cuộc Đồng khởi long trời chuyển đất. “Qua Đồng khởi, đã làm tan rã căn bản cơ cấu chính quyền của địch ở nông thôn, số còn lại hầu hết bị tê liệt, hoang mang, rệu rã” [1:114]. Tây Nam Bộ giải phóng 159 xã, chuyển lên làm chủ bộ phận ở 41 xã khác. Giành quyền làm chủ đến đâu, các đoàn thể nông dân, thanh niên, phụ nữ được phát triển đến đó; chính quyền tự quản xã, ấp được thành lập do Nông hội đảm trách.

Ở Trung Nam Bộ, phát động quần chúng nổi dậy sớm nhất là tỉnh Kiến Phong. Trong trận Giồng Thị Đam - Gò Quán Cung ngày 26/9/1959, quân ta diệt một tiểu đoàn địch, đánh bại cuộc hành quân cấp trung đoàn do quân đội Diệm tổ chức. Phát huy thắng lợi, Tỉnh ủy Kiến Phong phát động liên tiếp nhiều đợt nổi dậy sau đó, giải phóng và giành quyền làm chủ nhiều xã ở trung tâm và ven Đồng Tháp Mười. Tỉnh Long An, sau hơn một năm nổi dậy, giải phóng hoàn toàn 29 xã và huyện Đức Hòa, giành lại cho dân hàng vạn mẫu ruộng.

Phần lớn các dinh điền, khu trù mật của địch ở Nam Bộ đều bị đánh phá, tan rã. Quần chúng bung về ruộng vườn cũ với khí thế rầm rộ, sôi nổi. Bà con hăng hái lao vào

sản xuất, đào hầm, cắm chông xây dựng ấp, xã chiến đấu, phát triển du kích chiến tranh chống địch càn quét, bảo vệ xóm, ấp [1:113].

Ở tỉnh Bến Tre, cuộc Đồng khởi có tính điển hình; với sự hình thành 3 mũi giáp công đánh địch (chính trị, quân sự, binh vận) quần dân Bến Tre giải phóng hoàn toàn 22 xã, 150 ấp.

Đông Nam Bộ giải phóng hoàn toàn 24 xã, giải phóng cơ bản 19 xã, làm tan rã hơn 70% bộ máy kềm kẹp của địch ở nông thôn. Tỉnh Thủ Dầu Một, sau hơn một tháng nổi dậy, giải phóng 40 ấp ở 25 xã.

Cuộc Đồng khởi ở Nam Bộ giành thắng lợi hết sức to lớn, “làm rung chuyển chế độ Mỹ Diệm” [1:114].

Ngày 20/12/1960, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam ra đời. Trong Chương trình Mười điểm của Mặt trận có ghi rõ: “*Thực hiện giảm tô, tiến tới giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân, làm cho người cày có ruộng*”. Đây là động lực thúc đẩy mạnh mẽ phong trào cách mạng của nông dân, đội quân chủ lực của cách mạng [1:115].

Với thắng lợi của phong trào Đồng khởi, vùng nông thôn giải phóng được hình thành rộng lớn và liên hoàn từ miền Đông đến miền Tây Nam Bộ. Cán bộ các cấp được tăng cường cho cơ sở, cùng cố xây dựng Đảng, xóa dần các xã, ấp trắng; xây dựng và phát triển các tổ chức đoàn thể, dân quân du kích, xây dựng xã ấp chiến

đầu, vận động thanh niên tòng quân, xây dựng lực lượng vũ trang; điều chỉnh đất đai trang cấp cho nông dân không đất, thiếu đất; phát triển sản xuất đảm bảo đời sống người dân và đóng góp cho kháng chiến.

Với thắng lợi của phong trào Đồng khởi, ở Nam Bộ hình thành hình thái chiến tranh nhân dân kiểu mới với sự kết hợp 2 lực lượng (chính trị và vũ trang), 3 mũi giáp công (chính trị, quân sự, binh vận).

Trước sự nổi dậy mạnh mẽ của nhân dân miền Nam, đe dọa sự tồn vong của chế độ Sài Gòn, từ năm 1961, Mỹ và tay sai vội vã thực hiện chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, biện pháp trung tâm là dồn dân lập ấp chiến lược, hồng kiểm soát, kèm kẹp nhân dân, tách cán bộ và du kích ra khỏi dân để tiêu diệt. Kế hoạch giai đoạn 1 của Mỹ - Diệm là bình định miền Nam trong vòng 18 tháng (từ tháng 6 năm 1961 đến cuối năm 1962). Quá trình thực hiện, chúng mở hàng ngàn cuộc hành quân càn quét, dồn dân vào ấp chiến lược, gây nên nhiều thảm cảnh tang thương đối với đồng bào ta; chúng đã bị quân và dân ta nổi dậy chống phá, làm phá sản kế hoạch lập ấp chiến lược của chúng. Lâu Năm Góc (Mỹ) thú nhận: “9 tháng đầu năm 1962, chúng chỉ lập được 3.225 ấp chiến lược trong khi kế hoạch lập ra là 11.000 ấp”. “Đến cuối năm 1964, toàn miền Nam ta phá rã, phá banh 3.695 ấp chiến lược, mở rộng vùng giải phóng, làm chủ trên 2/3 đất đai, với 10 triệu dân, làm thất bại quốc sách ấp chiến lược

của Mỹ - Ngụy. Riêng ở Nam Bộ, ta giải phóng 5.942.000 dân, chiếm 44,2% dân số và khoảng 50% ruộng đất canh tác toàn miền Nam” [1:122-123]. Vùng giải phóng mở rộng, các tổ chức cách mạng đưa dân về chỗ cũ, giải quyết ruộng đất cho dân sản xuất, ổn định cuộc sống.

“Từ sau Đồng khởi đến năm 1965, ở vùng giải phóng Nam Bộ, nông dân đã giành quyền làm chủ hàng triệu hecta ruộng đất, Ở Tây Nam Bộ đến cuối 1965, có 690.690 hecta, tức 53,7% trong số 1.304.700 hecta ruộng đất trong khu đã về tay nhân dân. Ở Trung Nam Bộ, nông dân đã làm chủ 563.485 hecta, tức 56% diện tích canh tác trong khu” [1:125].

Bị thất bại trong “chiến tranh đặc biệt”, từ năm 1965 Mỹ và chính quyền Sài Gòn chuyển sang thực hiện “chiến tranh cục bộ”, ồ ạt đưa quân Mỹ và chư hầu vào chiến trường miền Nam, thay quân đội Sài Gòn đảm nhận bình định những vùng trọng yếu. Đến tháng 5/1969, Mỹ có 542.000 quân trên chiến trường miền Nam, cùng với hàng trăm nghìn tấn vũ khí và các phương tiện chiến tranh hiện đại nhất. Bằng chiến thuật 2 gọng kìm, quân đội Mỹ mở nhiều cuộc hành quân qui mô lớn đánh phá miền Đông Nam Bộ. Nhưng các cuộc hành quân càn quét của Mỹ bị thất bại, không tiêu diệt được cơ quan đầu não và quân chủ lực ta, ngược lại, chúng bị tổn thất nặng nề. Xuân Mậu Thân 1968, quân và dân ta mở cuộc

tổng tấn công và nổi dậy toàn miền Nam, tập trung đánh vào các đô thị, các cơ quan đầu não, kho tàng, sân bay, căn cứ quân sự, gây cho Mỹ và tay sai những tổn thất vô cùng to lớn; đây là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược, đánh bại ý chí xâm lược của Mỹ, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh và chịu ngồi vào đàm phán trực tiếp với ta tại Paris (Pháp).

Cũng từ năm 1968, Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, tập trung viện trợ kinh tế và quân sự, xây dựng quân đội Sài Gòn mạnh lên, đủ sức đảm đương nhiệm vụ chiến trường, trên cơ sở đó rút dần quân đội Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam. Giai đoạn này “Mỹ - Ngụy coi bình định không chỉ là biện pháp mà là mục đích, là chìa khóa giành thắng lợi. Mục tiêu của bình định là tiêu diệt và vô hiệu hóa hạ tầng cơ sở cách mạng, chiếm đất, giành dân. Ở đồng bằng sông Cửu Long trung bình mỗi tháng Mỹ - Ngụy mở 427 cuộc hành quân cấp tiểu đoàn, liên tục đánh phá vùng giải phóng. Càn quét, phát quang, đóng đồn chiếm đất, giành dân. Dùng bom đạn đánh phá xóm làng, ruộng đồng để tạt dân ra vùng chúng kiểm soát. Bằng bom đạn, chất độc hóa học, Mỹ - Ngụy tàn phá ruộng vườn trên một diện tích rất rộng. Phần lớn vùng nông thôn giải phóng Nam Bộ bị địch chiếm đóng, nhất là khu vực đồng bằng sông Cửu Long. “Vùng giải phóng của ta bị thu hẹp, năm 1970 cả Nam Bộ chỉ còn 917 ấp, 251 xã giải phóng” [1:141].

Để thực hiện mục tiêu giành dân, chiếm đất, tháng 3/1970, Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu công bố luật *Người cây có ruộng*. Luật này “Thực chất là ép buộc nông dân kê khai và nhận chứng khoán để cắt xén số ruộng đất của nông dân có trên 3 hecta; tăng thuế cho ngân sách chiến tranh; tịch thu ruộng đất của những người đi kháng chiến vắng mặt để cấp lại cho đám nguy quân, nguy quyền nhằm phục vụ đặc lực cho chính sách thực dân kiểu mới của Mỹ. Nhưng Mỹ - Thiệu không làm được gì nhiều, vì cường độ chiến tranh ngày càng ác liệt buộc chúng phải tập trung đối phó” [1:147].

Năm 1972, ta mở cuộc tấn công chiến lược trên toàn miền Nam. Tại chiến trường Nam Bộ, quân và dân ta giành thắng lợi quan trọng. Tây Nam Bộ đến cuối năm 1972 giải phóng 29 xã, 600 ấp. Trung Nam Bộ ta giải phóng 72 xã, 1.044 ấp, giành lại 900.000 dân, loại khỏi vòng chiến đấu 56.000 tên địch. Ở miền Đông Nam Bộ, quân và dân ta đập tan tuyến phòng thủ của địch ở biên giới Việt Nam - Campuchia, nhiều địa bàn được giải phóng.

Trong giai đoạn chống địch bình định lần chiếm sau Hiệp định Paris (1973), nông dân trong vùng địch kiểm soát bung về ruộng vườn cũ, ra sức khôi phục sản xuất. Vùng giải phóng và địa bàn ta làm chủ, tiếp tục thực hiện chính sách ruộng đất cho nông dân. Tính từ năm 1969 đến năm 1973, cả Nam Bộ đã điều chỉnh ruộng đất cho nông dân không đất, thiếu đất sản xuất 14.468 hecta

(Đông Nam Bộ: 1.659 hecta, Trung Nam Bộ: 8.809 hecta, Tây Nam Bộ: 4.000 hecta) [1:152]. Trong chiến dịch tấn công mùa khô 1973 - 1974 và mùa mưa năm 1974 quân và dân Nam Bộ đã đồng loạt đánh bại kế hoạch bình định của địch, mở rộng vùng giải phóng, chuyển thể vùng tranh chấp và vùng yếu, xây dựng lực lượng chính trị, vũ trang... đón lấy thời cơ giải phóng miền Nam.

Tây Nam Bộ cuối năm 1974, vùng giải phóng được mở rộng với hai triệu dân, làm chủ hơn 1 triệu hecta. Ta đã điều chỉnh, cấp thêm và khai hoang phục hóa 100.000 hecta. Miền Đông Nam Bộ đến cuối năm 1974, giải phóng được 302 ấp, 81 xã với 91.267 dân. Miền Trung Nam Bộ đến cuối năm 1974, ta diệt, bức hàng, bức rút 1.070 đồn bót địch, mở rộng vùng giải phóng ở Nam, Bắc lộ 4, vùng Phú Mỹ, Củ Chi, Chợ Gạo, Mỹ Tho, vùng ruột Đồng Tháp Mười và mở thêm một số vùng ở Cao Lãnh, Kiến Phong...

Đầu năm 1975, Trung ương Cục miền Nam tiếp tục ban hành chính sách ruộng đất ở miền Nam. “Chính sách mới nhấn mạnh: *phải xóa bỏ triệt để và toàn bộ quyền chiếm hữu ruộng đất của tập đoàn tư sản mại bán quan liêu, bọn địa chủ phong kiến, thừa nhận và ổn định quyền sở hữu về ruộng đất của nông dân, hướng dẫn nông dân đi vào cải tạo quan hệ sản xuất, phát triển đời sống mọi mặt*” [1:158].

Thực hiện Kế hoạch giải phóng miền Nam của Trung ương Đảng, ngày 10/03/1975,

ta mở chiến dịch Tây Nguyên, giải phóng Buôn Ma Thuột, mở đầu cuộc tổng tấn công và nổi dậy mùa Xuân 1975. Trung ương tập trung toàn lực giải phóng miền Nam trong tháng 4/1975. Ở Nam Bộ tất cả dồn ra phía trước với một quyết tâm chưa từng có, “một ngày bằng 20 năm”. “Cùng với các mũi tấn công quân sự, nông dân Nam Bộ đã đồng loạt nổi dậy khởi nghĩa, với phương châm *xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh*.”

Đúng 11 giờ ngày 30/4/1975, chế độ nguy quyền Sài Gòn tay sai của đế quốc Mỹ, phải đầu hàng vô điều kiện trước cuộc tấn công nổi dậy thần tốc của quân và dân miền Nam. Thắng lợi này đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược kéo dài 21 năm của đế quốc Mỹ ở miền Nam Việt Nam.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ trải qua nhiều giai đoạn khó khăn, ác liệt, dù khó khăn, đại đa số nông dân Nam Bộ vẫn một lòng tin, theo Đảng, chấp nhận hy sinh, cống hiến cả sinh mạng, tài sản để tập hợp thành đội ngũ xung quanh Đảng tranh đấu cho độc lập, tự do. Dù trong hoàn cảnh khó khăn nào, đường lối sách lược đối với nông dân, ruộng đất, nông thôn của Đảng vẫn kiên định, nhất quán, đem lại quyền lợi sống còn cho nông dân, hình thành khối liên minh công - nông, nông cốt và nền tảng của Mặt trận Dân tộc thống nhất. Đó chính là con đường sống cho nông dân và cũng là con đường đi tới thắng lợi của Cách mạng.

Ở Nam Bộ, một đặc điểm quan trọng trong sách lược ruộng đất là vận dụng một cách mềm dẻo và sắc bén trong công tác vận động địa chủ yêu nước giảm tô, xóa nợ cho nông dân, vận động địa chủ hiến điền để cách mạng phân chia ruộng đất cho nông dân nghèo không đất và thiếu đất sản xuất. Nhờ đó không những thực hiện một cách hiệu

quả chính sách ruộng đất của Đảng mà còn tập hợp được mặt trận đoàn kết rộng rãi chống lại kẻ thù. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhờ vận dụng sáng tạo, linh hoạt sách lược nông dân, ruộng đất, nông thôn, Đảng đã đem lại quyền lợi ruộng đất cho đại bộ phận nông dân Nam Bộ; hoàn thành cách mạng ruộng đất, cũng là hoàn thành

xuất sắc giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ ở Nam Bộ vào mùa Xuân năm 1975 □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hội đồng chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến: *Những vấn đề chính yếu trong Lịch sử Nam Bộ kháng chiến*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2011.
2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp Tập 2 (1954 - 1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2020/1.

PHONG TỤC VIẾT LIỄN XUÂN Ở NHÀ LỚN, LONG SƠN (tiếp theo trang 21)

binh kết tụ được của cái thế gian), bản luận về cách đối nhân xử thế rất phóng khoáng, cởi mở, đúng tính cách lâu đời của cư dân Nam Bộ: “Đãi nhân khoan nhất bộ vi phước. Xử thế nhượng tam phân thị cao” (Đãi người rộng một bước làm phúc. Xử đời nhường ba phân thị cao).

Loại câu đối 7 chữ có 159 câu, nhiều câu mang âm hưởng ca dao dễ đi vào lòng người: “Phong điều vũ thuận dân hoan lạc. Xứ xứ ca dao hương thái bình” (Gió hòa mưa thuận dân hoan lạc. Xứ xứ hát ca hương thái bình). Cùng thể loại câu liễn đối này có những câu hoàn toàn do các bậc tiền nhân sáng tác, gắn liền với địa danh Long Sơn: “Long thừa xuân đán qui kim khuyết. Sơn ánh lãng tiêu diện ngọc hồ” (Rồng nương xuân sớm về kim khuyết. Núi dạo mây xanh tự ngọc hồ), “Long vũ hòa phong kim nhật thanh. Sơn hà thuận khí cổ hưng hương” (Rồng không gian hòa gió nay ngày thịnh. Núi sông thuận khí cổ hưng hương)...

Loại câu đối có 11 chữ gồm 69 câu, phản ánh phong phú nhiều đề tài, câu chữ chọn lọc, mang phong cách văn chương độc đáo: “Nghĩa binh trung thiên vạn cổ cương thường chiêu vô liệt. Đức huy nam cực ngàn năm hàn mặc hoàn văn quang” (Nghĩa cảm giữa trời muôn xưa giềng bằng sáng vô thêm cứng cỏi. Đức sáng nam cực ngàn năm bút mực rực rỡ văn chương), “Nhật chiếu hoa đình khoái đồ xuân huyên tịnh mậu. Xuân hồi mỹ trạch điểm văn lan quế đặng phượng” (Mặt trời soi bóng sân xuân huyên đều tốt tươi. Xuân về làm đẹp cửa nhà nghe lan quế dậy mùi hương)...

Trong 188 câu liễn vông (loại gồm 4 chữ Hán) với những lời chúc tụng cô đọng, hàm súc: “Thiên địa trường xuân” (Mùa xuân ở lại dài hơn nữa cùng đất trời), “Nghinh xuân tiếp phước” (Đón xuân, rước phước), “Dương xuân mãn thất” (Dương xuân đầy nhà), “Hòa cổ phong đặng” (Thóc lúa đủ đầy), “Bà tánh bình an” (Trăm họ bình an), “Gia quan tiến bước” (Thăng quan tiến

chức), “Tước lộc cao thăng” (Tước lộc cao thêm), “Công minh liêm chính” (Làm việc sáng suốt, ngay thẳng, trong sạch), “Quốc thái dân an” (Đất nước thái bình, nhân dân an lạc), “Thái bình muôn trượng” (Thái bình vạn trượng), “Dân Khang vật phú” (Nhân dân khỏe mạnh, vạn vật dồi dào)...

Viết câu đối liễn mừng xuân tại Nhà Lớn Long Sơn thực sự trở thành phong tục một nét đẹp văn hóa truyền thống, trọng chữ nghĩa của các bậc thánh hiền, mong rằng thế hệ con cháu hôm nay, mai sau cần tiếp tục bảo tồn, duy trì và phát huy trong những đạo lý tốt đẹp mà hàng trăm năm nay các bậc tiền nhân, ông cha đã sáng tạo, lưu truyền lại □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hoàng Huy, *Câu đối trong văn hóa Việt Nam*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2005.
2. Phạm Côn Sơn, *Tết - Lễ hội mùa xuân*, Nxb. Thuận Hóa, 1997.
3. Trần Ngọc Thêm, *Tìm về bản sắc văn hóa Việt*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2001.
4. *Tuyển tập câu đối liễn xuân*, tài liệu nội bộ của Nhà Lớn Long Sơn (tính Bà Rịa - Vũng Tàu).